

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/DS-ST

Ngày: 26-8-2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Sơn

2. Bà Mai Thị Nhắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 217/2022/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Cẩm V**, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Ấp b, xã c, huyện n, tỉnh b.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1984, địa chỉ: Ấp P, xã t, huyện k, tỉnh b (Văn bản ủy quyền ngày 18/11/2021).

2. *Bị đơn:* 1/ Ông **Lạc Văn H**, sinh năm 1956; 2/ Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1957; 3/ Anh **Lạc Minh T**, sinh năm 1994; Cùng nơi cư trú: Số N ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh B.

Anh C, ông H, bà H và anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm V, tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và văn bản nêu ý kiến anh Nguyễn Minh C trình bày:

Bà Lê Thị Cẩm V là chủ hộ kinh doanh Lê Thị Cẩm V, bà V là người đại diện hộ kinh doanh, chỉ cá nhân bà V bỏ vốn ra kinh doanh không có cá nhân nào khác góp vốn.

Tháng 9/2019 bà V hợp đồng bán thức ăn chăn nuôi gà và vịt cho vợ chồng ông Lạc Văn H và bà Lê Thị H cùng con của ông bà là anh Lạc Minh T. H bên hợp đồng bằng lời nói, thỏa thuận khi nào gia đình ông H, bà H và anh T ra chuồng của từng bầy gà, vịt thì sẽ thanh toán tiền thức ăn cho bà V, thông thường thì khoảng 01 tháng gà, vịt ra chuồng. Phía bà V giao thức ăn cho vợ chồng ông H, bà H và anh T tại nhà của ông H, bà H và anh T, anh T sống chung nhà với vợ chồng ông H, việc giao nhận được ghi vào H quyển sổ, mỗi bên giữ một quyển để theo dõi, đối chiếu. Trong thời gian thực hiện hợp đồng thì gia đình ông H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền thức ăn cho bà V, bán gà, vịt nhưng không thanh toán tiền thức ăn đầy đủ nên nợ ngày càng lên cao, kể từ tháng 11/2020 thì bà V không còn bán thức ăn cho gia đình ông H nữa.

Ngày 12/5/2021 H bên tổng kết nợ, giữa bà V với ông H, bà H và anh T thống nhất tính đến ngày 12/5/2021 thì ông H, bà H và anh T còn nợ bà V số tiền thức ăn là 428.455.000 đồng. H bên thống nhất số tiền nợ này và có lập biên bản xác nhận nợ là “Giấy xác nhận nợ” đề ngày 12/5/2021 mà bà V đã nộp cho Tòa án, ông H, bà H và anh T cùng ký xác nhận vào “Giấy xác nhận nợ”.

Sau khi chốt số tiền nợ trên thì phía bà V nhiều lần yêu cầu cả nợ nhưng ông H, bà H và anh T không thực hiện nên bà V khởi kiện yêu ông H, bà H và anh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V số tiền nợ thức ăn gốc là 428.455.000 đồng. Tại Văn bản nêu ý kiến ngày 25/8/2022 bà V đồng ý căn trừ số tiền vịt là 9.180.000 đồng vào số nợ gốc 428.455.000 đồng, xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 9.180.000 đồng. Bà V yêu cầu ông H, bà H và anh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V số tiền nợ thức ăn gốc là 419.275.000 đồng, bà V không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời KH ông Lạc Văn H, bà Lê Thị H trình bày:

Khoảng tháng 5/2019 bà H và ông H có thỏa thuận mua thức ăn chăn nuôi gà với Đại lý thức ăn chăn nuôi gia súc của bà Lê Thị Cẩm V về để cùng chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình. H bên thỏa thuận bằng lời nói, không có làm hợp đồng bằng văn bản, do ông H trực tiếp thỏa thuận, H bên thống nhất thỏa thuận phía bà V giao thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng ông H, khi nào bán gà thì thanh toán tất tiền thức ăn cho bà V, thông thường khoảng hơn một tháng thì gà xuất chuồng. Việc giao nhận thức ăn được ghi nhận vào 02 quyển sổ mỗi bên giữ một quyển để theo dõi, đối chiếu. Vợ chồng ông H mua thức ăn chăn nuôi của bà V về chăn nuôi được H đàn gà, cả H đàn gà đều bị dịch bệnh chết dần đến thua lỗ nên không thanh toán tiền thức ăn cho bà V đầy đủ như đã thỏa thuận. Đến cuối tháng 3/2020 H tổng kết nợ, thống nhất ông H và bà H còn nợ bà V số tiền thức ăn là 128.570.000 đồng.

Thời gian ông H và bà H mua thức ăn chăn nuôi của bà V thì con ruột là Lạc Minh T cũng có mua thức ăn nuôi vịt của bà V. Anh T tự thỏa thuận riêng với bà V, H bên giao nhận thức ăn riêng. Anh T mua thức ăn chăn nuôi của bà V về để chăn nuôi riêng, không có chăn nuôi cùng vợ chồng ông H. Việc chăn nuôi của anh T cũng thua lỗ nên cũng nợ tiền thức ăn của bà V.

Đến tháng 5/2021 con bà V đến yêu cầu ông H, bà V và anh T ký xác nhận nợ để bà V báo về công ty. Do ông H và bà H xác định còn nợ bà V tiền thức ăn 128.570.000 đồng, lúc này anh T cũng còn nợ tiền thức ăn của bà V nên vợ chồng ông H và anh T đồng ký vào “Giấy xác nhận nợ” do con bà V viết sẵn và cũng không có đọc nội dung của “Giấy xác nhận nợ”.

Ông H và bà H đồng ý liên đới nghĩa vụ trả cho bà V số tiền thức ăn chăn nuôi còn nợ là 128.570.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi tất nợ. Đối với số tiền còn lại trong tổng số 428.455.000 đồng là nợ của cá nhân anh T nên không đồng ý trả.

Tại biên bản lấy lời khH ngày 07/01/2022 anh Lạc Minh T trình bày:

Tháng 9/2019 anh T trực tiếp đến gặp bà V thỏa thuận mua thức ăn chăn nuôi vịt của bà V để chăn nuôi. H bên thỏa thuận bằng lời nói, không có làm hợp đồng bằng văn bản, H bên thống nhất thỏa thuận phía bà V giao thức ăn cho anh T, khi nào vịt xuất chuồng thì thanh toán tiền thức ăn của đàn vịt đó, thông thường khoảng 45-50 ngày thì vịt xuất chuồng. Việc giao nhận thức ăn được ghi nhận vào 02 quyển sổ mỗi bên giữ một quyển để theo dõi, đối chiếu. Mỗi lần vịt xuất chuồng thì anh T có thanh toán tiền thức ăn cho bà V theo thỏa thuận, thời gian sau vịt bị dịch bệnh chết nên bị lỗ dẫn đến nợ tiền thức ăn của bà V, đến tháng 10/2020 thì bà V không giao thức ăn nữa. Đến tháng 4/2021 H bên chốt nợ, thống nhất anh T còn nợ bà V số tiền 295.000.000 đồng. Sau khi chốt sổ thì anh T không có trả cho bà V khoản tiền nào. Tháng 7/2021 anh T có bán cho bà V đàn vịt với số tiền 9.180.000 đồng nhưng đến nay bà V vẫn chưa thanh toán tiền.

Ngày 12/5/2021 con bà V đến yêu cầu ông H, bà V và T ký xác nhận nợ để bà V báo về công ty. Do ông H, bà H và anh T xác định còn nợ tiền thức ăn của bà V nên đồng ý ký tên vào “ Giấy xác nhận nợ” nhưng khi ký thì phía bà V không có ghi số tiền nợ, sau này phía bà V mới tự thêm vào nội dung “tổng cộng số tiền 428.455.000 đồng (bốn trăm H mươi tám triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn)”.

Anh T sống cùng vợ chồng ông H nhưng chăn nuôi riêng ở phía trước nhà, vợ chồng ông H chăn nuôi phía sau nhà. Việc anh T thỏa thuận mua thức ăn của bà V không có liên quan gì đến vợ chồng ông H, vợ chồng ông H mua thức ăn của bà V cũng không có liên quan gì đến anh T. Sau khi trừ số tiền vịt bà V còn nợ là 9.180.000 đồng thì anh T còn nợ bà V 285.280.000 đồng, anh T đồng ý trả số tiền này cho bà V, số tiền còn lại trong tổng số nợ 428.455.000 đồng là nợ của ông H và H nên anh T không đồng ý trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Lạc Văn H và bà Lê Thị H cùng với anh Lạc Minh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Cẩm V số tiền nợ thức ăn gốc là 149.275.000 đồng. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm V về việc yêu cầu ông Lạc Văn H và bà Lê Thị H cùng với anh Lạc Minh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Cẩm V số tiền thức ăn là 9.180.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm V thì xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Lạc Văn H, Lê Thị H và Lạc Minh T có địa chỉ nơi cư trú tại xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Minh Cường và ông Lạc Văn H có đơn xin giải quyết vắng mặt, bà Lê Thị H và anh Lạc Minh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Cường, ông H, bà H và anh T theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Nguyên đơn Lê Thị Cẩm V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông H, bà H và anh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V số tiền nợ thức ăn gốc là 9.180.000 đồng. Xét việc rút đơn này của người khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và không trái với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét chấp nhận, đình chỉ giải quyết vụ án đối với các yêu cầu này của bà Lê Thị Cẩm V theo qui định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về yêu cầu trả nợ mua bán tài sản:

Xét yêu cầu, ý kiến của các đương sự cho thấy giữa bà V với ông H, bà Hòa và

anh T có giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi, H bên hợp đồng bằng lời nói, thỏa thuận khi nào gà vịt xuất chuồng của thì sẽ thanh toán tiền thức ăn tiền thức ăn cho bà V, thông thường thì khoảng hơn một tháng gà vịt xuất chuồng. Phía bà V giao thức ăn cho vợ chồng ông H, bà H và anh T, việc giao nhận được ghi vào sổ, mỗi bên giữ một quyển để theo dõi, đối chiếu.

Bà V xác định vợ chồng ông H và con là anh T cùng thỏa thuận mua thức ăn của bà V về để chăn nuôi chung, bà V giao thức ăn tại nhà của vợ chồng ông H và anh T vì sống chung nhà, cả ba người cùng chăn nuôi tại nhà của vợ chồng ông H, khi gia đình ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì tháng 11/2020 bà V không giao thức ăn cho phía ông H nữa, ngày 12/5/2021 H bên chốt nợ, thống nhất ông H, bà H và anh T còn nợ bà V số tiền 428.455.000 đồng, ông H và H, anh T có ký xác nhận vào “Giấy xác nhận nợ” nên yêu cầu ông H, bà H và anh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V số tiền nợ thức ăn gốc là 419.275.000 đồng, sau khi cần trừ tiền vịt 9.180.000 đồng.

Các bị đơn cho rằng ông H và H chăn nuôi chung, anh T chăn nuôi riêng nên không đồng ý liên đới nghĩa vụ cùng nhau trả số tiền 428.455.000 đồng cho bà V. Ông H và bà H xác định chỉ nợ bà V số tiền 128.570.000 đồng nên đồng ý liên đới trả số tiền này cho bà V, phần còn lại là nợ riêng của anh T. Anh T cho rằng chỉ nợ bà V số tiền thức ăn là 295.000.000 đồng, phần còn lại là nợ của vợ chồng ông H. Ông H, bà H trình bày do xác định còn nợ bà V số tiền thức ăn là 128.570.000 đồng đây là nợ riêng của vợ chồng ông H nên khi phía bà V yêu cầu ký tên vào “Giấy xác nhận nợ” thì ký chứ không có đọc lại nội dung của “Giấy xác nhận nợ” nên không biết phía bà V đã ghi nội dung gì; còn anh T thì cho rằng do anh T xác định còn nợ bà V số tiền 295.000.000 đồng là nợ riêng của anh T nên phía bà V yêu cầu ký tên vào “Giấy xác nhận nợ” thì ký, lúc ký giấy nợ thì phía bà V không có ghi số tiền nợ, sau này phía bà V tự thêm vào số tiền nợ là 428.455.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: “Giấy xác nhận nợ” mà bà V cung cấp thể hiện nội dung tính đến ngày 12/5/2021 gia đình ông H, bà H và anh T còn nợ bà V số tiền thức ăn là 428.455.000 đồng. Ông H, bà H và anh T thừa nhận chữ ký tên và chữ viết họ tên Lạc Văn H, Lê Thị H và Lạc Minh T bên dưới nội dung “Người xác nhận nợ” tại tờ “Giấy xác nhận nợ” là do ông H, bà H và anh T ký và viết, quá trình giải quyết vụ án các bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng chứng minh các bị đơn bị bà V ép buộc hay lừa dối để ký tên vào “Giấy xác nhận”. Những lời phản bác của bị đơn không được phía nguyên đơn thừa nhận, bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận lời phản bác của bị đơn; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H, bà H và T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V số tiền thức ăn chăn nuôi còn nợ là 419.275.000 đồng là phù hợp.

[2.3] Về thời hạn trả nợ: Ông H và bà H yêu cầu được trả dần số tiền nợ theo phương thức mỗi năm 10.000.000 đồng cho đến khi tất nợ nhưng không được bà V đồng ý. Ông H và bà H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa H bên có thỏa thuận việc ông bà được trả dần số nợ hàng năm hay trả nợ thành nhiều lần. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của ông H và bà H.

[2.4] Về tiền lãi: Bà Lê Thị Cẩm V không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H, bà H và anh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V số tiền thức ăn chăn nuôi gốc còn nợ là 419.275.000 đồng.

[3] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.771.000 đồng, nhưng ông H và bà H là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 430, 440, của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 5, 147, 217, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm V, cụ thể:

1. Buộc ông Lạc Văn H, bà Lê Thị H và anh Lạc Minh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Cẩm V số tiền thức ăn chăn nuôi gốc là 419.275.000 đồng (Bốn trăm mười chín triệu H trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), không tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm V về việc yêu cầu ông Lạc Văn H, bà Lê Thị H và anh Lạc Minh T có nghĩa vụ liên

đổi trả cho bà Lê Thị Cẩm V số tiền thức ăn chăn nuôi gốc là 9.180.000 đồng (Chín triệu một trăm tám mươi ngàn đồng).

3. Về án phí:

- Ông Lạc Văn H và bà Lê Thị H được miễn toàn bộ án phí.
- Anh Lạc Minh T có nghĩa vụ chịu số tiền án phí là 6.924.000 đồng (Sáu triệu chín trăm H mươi bốn ngàn đồng).
- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 10.273.000 đồng (Mười triệu H trăm bảy mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0001612 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre cho bà Lê Thị Cẩm V.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định. Viện kiểm sát nhân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(4b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b) ;
- VKSND huyện Mô Cày Nam ^(1b) ;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam ^(1b) ;
- Lưu HS, VP ^(3b) TC:11b .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(2b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b) ;
- VKSND huyện Mô Cày Nam ^(1b) ;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam ^(1b) ;
- Lưu HS, VP ^(3b) TC:8b .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Trang

